

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** Phòng E302**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 24/03/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0111	Đào Trọng	Linh	21/11/1999				
2	TA0112	Đô Nhật	Linh	26/9/1995				
3	TA0113	Lê Khánh	Linh	10/5/1999				
4	TA0114	Nguyễn Thị Hương	Linh	28/10/1999				
5	TA0115	Nguyễn Thùy	Linh	22/8/1999				
6	TA0116	Trần Ngọc	Linh	11/11/1999				
7	TA0117	Vũ Thị Thùy	Linh	29/10/1986				
8	TA0118	Nguyễn Thị	Loan	16/10/1999				
9	TA0119	Phạm Văn	Lợi	10/5/1999				
10	TA0120	Cao Đăng	Long	22/9/1999				
11	TA0121	Chu Xê	Lộ	3/10/1999				
12	TA0122	Đặng Quỳnh	Mai	2/3/1999				
13	TA0123	Đặng Hùng	Mạnh	28/9/1999				
14	TA0124	Trần Thế	Mạnh	1/10/2000				
15	TA0125	Lương Minh	Đức	19/11/1994				
16	TA0126	Nguyễn Mạnh	Hà	20/06/1994				
17	TA0127	Lưu Văn	Hường	04/10/1983				
18	TA0128	Nguyễn Trọng	Kính	29/12/1986				
19	TA0129	Nguyễn Tùng	Lâm	03/12/1995				
20	TA0130	Vũ Thị	Lục	22/07/1994				
21	TA0131	Đinh Hồng	Quang	19/05/1987				
22	TA0132	Phạm Thị	Trà	27/08/1989				
23	TA0133	Vũ Chu	Mạnh	31/07/1997				
24	TA0134	Đào Nhật	Minh	23/12/1999				
25	TA0135	Nguyễn Đăng	Minh	6/11/1999				
26	TA0136	Nguyễn Văn	Minh	28/9/1999				
27	TA0137	Nguyễn Mậu	Muôn	26/12/1999				
28	TA0138	Trịnh Thị Lê	Na	11/1/2000				
29	TA0139	Nguyễn Đồng	Nam	28/10/1999				
30	TA0140	Nguyễn Văn	Nam	30/1/1999				
31	TA0141	Lê Thị Thu	Nga	17/12/1999				
32	TA0142	Nguyễn Thị Thanh	Nga	13/2/2000				
33	TA0143	Hoàng Hữu	Nghĩa	16/10/1999				
34	TA0144	Trương Công	Nghĩa	18/3/2000				
35	TA0145	Đinh Thị Hồng	Ngọc	21/11/2000				
36	TA0146	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	10/10/1999				

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
37	TA0147	Vương Thị Hồng	Ngọc	18/10/2000				
38	TA0148	Đào Công	Nguyên	4/3/1999				
39	TA0149	Nguyễn Hồng	Nguyên	20/01/1982				
40	TA0150	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	28/2/1999				
41	TA0151	Phạm Nguyễn	Nguyên	24/3/1998				
42	TA0152	Nguyễn Văn	Nhàn	13/12/1999				
43	TA0153	Vũ Thị Hải	Ninh	29/3/2000				
44	TA0154	Trần Đại	Phong	03/12/1994				
45	TA0155	Trần Nam	Phong	21/6/1999				
46	TA0156	Nguyễn Việt	Phú	20/05/1984				
47	TA0157	Đặng Văn	Phúc	24/12/1999				
48	TA0158	Bùi Xuân	Quân	05/02/1983				
49	TA0159	Đinh Văn	Quang	28/01/1997				
50	TA0160	Vũ Hồng	Quang	19/8/1999				
51	TA0161	Nguyễn Ngọc	Quí	5/1/2000				
52	TA0162	Đinh Hoàng	Quý	22/06/1999				
53	TA0163	Võ Hoàng	Quý	9/1/1999				
54	TA0164	Nguyễn Văn	Quyền	20/11/1987				
55	TA0165	Nguyễn Ngọc	Son	1/11/1999				
56	TA0166	Trần Đức	Son	26/10/1999				
57	TA0167	Trần Hoài	Son	10/5/1999				
58	TA0168	Nguyễn Văn	Tân	25/03/1995				
59	TA0169	Bùi Văn	Tân	22/09/1984				
60	TA0170	Ninh Thành	Thái	3/6/2022				
61	TA0171	Lê Minh	Thắng	10/11/1990				
62	TA0172	Hoàng Đức	Thanh	19/01/1996				
63	TA0173	Nguyễn Thị	Thanh	20/6/1999				
64	TA0174	Hoàng Công	Thành	26/7/1999				
65	TA0175	Lê Đức	Thành	9/2/1999				
66	TA0176	Phùng Khánh	Thành	24/7/1995				
67	TA0177	Ngô Thị Phương	Thảo	21/9/1999				
68	TA0178	Phạm Văn	Thiem	5/1/1999				
69	TA0179	Phan Thanh	Thìn	07/12/1988				
70	TA0180	Phạm Minh	Thu	30/9/2000				
71	TA0181	Trần Thị	Thư	1/3/1999				
72	TA0182	Đào Thị	Thương	24/7/1999				
73	TA0183	Đặng Đức	Thường	18/2/1999				
74	TA0184	Nhữ Minh	Thúy	9/5/1999				
75	TA0185	Trần Quốc	Toản	15/9/1999				
76	TA0186	Phạm Thị Ngọc	Trâm	2/1/1999				
77	TA0187	Nguyễn Huyền	Trang	11/3/1999				
78	TA0188	Phạm Thu	Trang	22/9/1999				
79	TA0189	Vũ Thuý	Trang	31/8/2000				
80	TA0190	Nguyễn Văn	Trình	9/3/1999				
81	TA0191	Trần Hữu	Trình	1/10/1999				

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
82	TA0192	Nguyễn Chí	Trung	17/09/1999				
83	TA0193	Hoàng Xuân	Trưởng	31/5/1999				
84	TA0194	Nguyễn Ngọc	Trưởng	15/9/1999				
85	TA0195	Phạm Xuân	Trưởng	1/3/1999				
86	TA0196	Vũ Hoàng	Trưởng	10/2/1999				
87	TA0197	Vương Tất	Trưởng	7/1/1999				
88	TA0198	Cao Ngọc	Tuân	9/2/1999				
89	TA0199	Lê Đức	Tuấn	29/5/1999				
90	TA0200	Lê Thanh	Tuấn	15/12/1999				
91	TA0201	Nguyễn Hợp	Tuấn	11/10/1999				
92	TA0202	Trần Văn Minh	Tuấn	29/7/1999				
93	TA0203	Bùi Thanh	Tùng	01/03/1995				
94	TA0204	Mai Thanh	Tùng	25/6/1999				
95	TA0205	Nguyễn Công	Tùng	6/1/1999				
96	TA0206	Nguyễn Việt	Tùng	27/11/1982				
97	TA0207	Thiều Kim	Tùng	15/01/1997				
98	TA0208	Vũ Sơn	Tùng	24/12/1981				
99	TA0209	Trịnh Đức	Tuyền	10/11/2000				
100	TA0210	Lê Thị	Vân	15/5/1999				
101	TA0211	Nguyễn Hoàng	Văn	27/2/1998				
102	TA0212	Dương Anh	Việt	23/6/2000				
103	TA0213	Khúc Đại	Việt	22/7/1999				
104	TA0214	Phạm Như	Việt	9/6/1999				
105	TA0215	Nguyễn Văn	Vĩnh	14/10/1999				
106	TA0216	Đỗ Quang	Vũ	25/12/1999				
107	TA0217	Dương Thị	Yến	12/11/1999				
108	TA0218	Nguyễn Văn	Quyền	20/11/1987				
109	TA0219	Dương Vũ	Giang	14/02/1982				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)